

Bản án số: 54/2024/HS-ST

Ngày: 13 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐL - TỈNH LĐ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

+ Bà Bùi Thị Lan

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thị Hương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố ĐL, tỉnh LĐ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL - tỉnh LĐ tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố ĐL, tỉnh LĐ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST - HS ngày 12/01/2024 đối với các bị cáo:

1. **Họ và tên: Lê Tư Đ**, sinh năm: 1993, tại: Th H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1524 Quang Trung, Phường Q Th, Thành phố Th H, Tỉnh Th H; nơi cư trú: Hẻm 7, TR A T, Phường K, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ; trình độ học vấn: 12/12; nghề ngH: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Lê Văn Đ, sinh năm: 1971 và bà: Nguyễn Thị Thúy, sinh năm: 1975; vợ: Lê Thị Ng A, sinh năm: 1997; có 03 con, lớn nhất sinh năm: 2017, nhỏ nhất sinh năm: 2024; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; tiền án: Tại bản án số 194/2022/HSST ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố ĐL xử phạt Lê Tư Đ 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/4/2023; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 09/9/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ.

2. **Họ và tên: Bùi Đình T** (tên gọi khác: Dũng), sinh năm: 2002, tại: Th H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Trần Cầu, xã Quảng Bình, huyện Q X, Tỉnh Th H; nơi cư trú: Hẻm 7, TR A T, Phường K, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ; trình độ học vấn: 9/12; nghề ngH: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Bùi Đình H, sinh năm: 1976 và bà: Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1983; vợ: Phan Thị Thúy V, sinh năm 2002; có 01 con sinh năm: 2024; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; tiền án: Không, tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 197/QĐ-XPHC ngày 04/8/2022, Công an thành phố Dĩ An, tỉnh B D, xử phạt Bùi Đình T số tiền 6.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây Th tích nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”; đã đóng phạt vào ngày 09/8/2022.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 09/9/2023, trả tự do ngày 15/9/2023, hiện đang tại ngoại tại Hẻm 7 đường TR A T, Phường K, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1973; địa chỉ: Số 108 đường Tr Đ Ng, Phường K, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ.

2. Bà Hồ Y H, sinh năm: 1977; địa chỉ: Số 141 Bis đường Tr Q K, Phường K, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ.

3. Ông Nguyễn Vũ H, sinh năm: 1971; địa chỉ: Số 45C đường Cao TH, Phường I, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ.

4. Bà Đặng Thị Ngọc V, sinh năm: 1968; địa chỉ: Số 09/5 đường Hai Bà Trưng, Phường D, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ (0918.635.529).

5. Bà Trần Thị Minh V, sinh năm: 1976; địa chỉ: Số 09B đường Đồng Tâm, Phường E, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ.

6. Ông Lương Quang Kh, sinh năm: 1965; địa chỉ: Số 19B đường Triệu Việt Vương, Phường C, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ.

7. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1987; địa chỉ: Số 65/1 đường Tr Q K, Phường K, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ.

8. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1964; địa chỉ: Số 81 đường Võ Trường Toản, Phường K, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ.

9. Chị Ngô Thị Bảo , sinh năm: 1987; địa chỉ: Số 254 đường Phù Đổng Thiên Vương, Phường K, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ.

10. Bà Phạm Thị Tr, sinh năm: 1979; địa chỉ: Số 70 đường Huyền Trân Công Chúa, Phường E, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ.

11. Chị Cao Thị Tường Q, sinh năm: 1990; địa chỉ: Số 4/31 Thái Phiên, Phường L, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ.

12. Chị Trần Thị Th, sinh năm: 1982; địa chỉ: Tổ 36 Hòn Bò, Phường L, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ.

13. Chị Hoàng Thị Kim Th, sinh năm: 1983; địa chỉ: Số 168 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường I, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ.

14. Bà Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm: 1955; địa chỉ: Số 18/1 đường Nguyễn Du, Phường N, Thành phố ĐL, Tỉnh LĐ.

(Các bị cáo có mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Th; bà Tr; bà Minh V; ông H; bà Y H có đơn xin xét xử vắng mặt; những người còn lại đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Đình T và Lê Tư Đ có mối quan hệ quen biết với nhau và là đối tượng cho vay lãi nặng tại thành phố ĐL. Trong đó, T thực hiện việc cho vay lãi nặng từ khoảng tháng 12 năm 2022, đến tháng 4 năm 2023 Lê Tư Đ cùng góp vốn với T để thực hiện việc cho vay lãi nặng. Ngoài việc góp vốn để cho vay thì giữa T và Đ còn cho những người khác vay riêng để Th lợi bất chính. Hình thức cho vay và Th lãi của Đ và T cụ thể như sau:

Đối với Lê Tư Đ: Đ bắt đầu thực hiện việc cho vay tiền có lãi trên địa bàn thành phố ĐL từ tháng 04/2023 đến nay. Thông qua các mối quan hệ quen biết, Đ tìm kiếm các khách hàng (người vay) có nhu cầu vay tiền. Việc cho vay có 02 hình thức:

+ Cho vay dưới hình thức vay góp (*trả gốc + lãi*) H ngày. Số tiền cho một người vay khoảng từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng mỗi lần vay, tùy khả năng thanh toán của người vay, thời hạn vay từ 15 - 25 ngày, lãi suất cho vay từ 28% - 40%/ tháng/ khoản vay (tương ứng 336% - 480%/năm).

+ Cho vay lãi đứng (*chỉ trả tiền lãi, cho đến khi trả xong tiền gốc*): 10 ngày trả tiền lãi một lần tương ứng 10% số tiền vay, cho đến khi tất toán xong khoản vay. Lãi suất cho vay là 30%/tháng/khoản vay, tương đương 360%/năm.

Khi vay tiền, người vay không phải viết giấy vay tiền, mà bị can Đ chụp hình các giấy tờ tùy thân của người vay và quay video clip vay tiền kèm theo để làm tin. Việc quản lý hoạt động cho vay, bị can Đ sử dụng điện Thoại cá nhân làm phương tiện liên lạc và theo dõi về số người vay, thời gian vay, số tiền cho vay, số tiền gốc và lãi đã Th.

Đối với Bùi Đình T: bắt đầu thực hiện việc cho vay tiền có lãi trên địa bàn thành phố ĐL từ tháng 12/2022 đến nay. Thông qua các mối quan hệ quen biết T tìm kiếm các khách hàng (người vay) có nhu cầu vay tiền. Hình thức cho vay là trả góp (gốc + lãi) H ngày. Số tiền cho một người vay khoảng từ 5 triệu đồng đến 20 triệu đồng mỗi lần vay, tùy khả năng thanh toán của người vay, thời hạn vay từ 15 - 25 ngày, lãi suất cho vay từ 28% - 40%/ tháng/ khoản vay (tương ứng 336% - 480%/năm). Khi cho vay tiền, đối tượng T không giữ giấy tờ gì của người vay mà đến trực tiếp nhà của người vay để xác minh khả năng trả nợ và quay clip của người dân về việc vay tiền để làm tin. Việc quản lý hoạt động cho vay, T sử dụng điện Thoại cá nhân làm phương tiện liên lạc và theo dõi về số người vay, thời gian vay, số tiền cho vay, số tiền gốc và lãi đã Th.

1. Đối với khoản Đ và T góp tiền chung để cho vay: Cả hai góp tiền cho 07 người vay với tổng số tiền cho vay là 197.000.000 đồng (Đ góp 98.500.000 đồng, T góp 98.500.000 đồng). Tổng số tiền Th lợi bất chính là: 47.696.250 đồng (Số lãi bất hợp pháp: 38.396.250 đồng; tiền phí các khoản vay: 9.300.000 đồng).

1.1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973; Địa chỉ: số 108, Tr Đ Ng, Phường K, thành phố ĐL. Vay 01 lần: Tháng 8/2023, bà Th vay số tiền: 7.000.000 đồng, trả góp trong 21 ngày, mỗi ngày bà Th phải trả cho T và Đ số tiền 400.000 đồng. Số tiền bà Th thực nhận 5.500.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 800.000 đồng; tiền phí 700.000 đồng). Hiện nay bà Th đã trả được gốc và lãi 14 ngày với số tiền 5.600.000

đồng, còn nợ lại 2.644.444 đồng tiền gốc. Số tiền Th lợi bất chính là 1.890.000 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 1.190.000 đồng, tiền phí vay là 700.000 đồng) (BL: 225).

1.2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964; Địa chỉ: số 81 Võ Trường Toản, Phường K, thành phố ĐL. Vay 01 lần: Tháng 8/2023, bà Th vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng (Tổng số tiền phải trả là 12.200.000 đồng). Số tiền bà Th thực nhận là 7.800.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 1.200.000 đồng; tiền phí 1.00.000 đồng). Bà Th đã trả được gốc và lãi 11 ngày với số tiền 6.600.000 đồng, hiện còn nợ lại 5.187.500 đồng tiền gốc. Số tiền Th lợi bất chính: 2.726.389 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 1.726.389 đồng và tiền phí vay là 1.000.000 đồng) (BL: 232-233).

1.3. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 36 Hòn Bò, Phường L, thành phố ĐL. Vay 02 lần:

- Lần 1: Tháng 4/2023, bà Th vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.200.000 đồng). Số tiền bà Th thực nhận là 8.600.000 đồng (trừ tiền góp 01 ngày 600.000 đồng; tiền phí 800.000 đồng). Hiện nay bà Th đã trả được gốc và lãi 21 ngày với số tiền 12.600.000 đồng. Số tiền Th lợi bất chính là 3.283.333 đồng (lãi bất hợp pháp là 2.483.333, tiền phí là 800.000 đồng)

- Lần 2: Tháng 5/2023, bà Th vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.200.000 đồng). Số tiền bà Th thực nhận là 8.600.000 đồng (trừ tiền góp 01 ngày 600.000 đồng; tiền phí 800.000 đồng). Hiện nay, bà Th đã trả được gốc và lãi 21 ngày với số tiền 12.600.000 đồng. Số tiền Th lợi bất chính là 3.283.333 đồng (lãi bất hợp pháp là 2.483.333, tiền phí là 800.000 đồng)

Tổng số tiền gốc Đ và T cho bà Th vay là 20.000.000 đồng, tổng số tiền Th lợi bất chính: 6.566.666 đồng (BL: 242-244).

1.4. Bà Cao Thị Tường Q, sinh năm 1990; Địa chỉ: số 4/31 Thái Phiên, Phường L, thành phố ĐL, vay 03 lần:

- Lần 1: Tháng 4/2023, bà Q vay số tiền 15.000.000 đồng, trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày trả 900.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 18.900.000 đồng). Số tiền bà Q thực nhận 11.700.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 1.800.000 đồng và tiền phí 1.500.000 đồng). Hiện nay bà Q đã trả được gốc và lãi là: 18.900.000 đồng. Số tiền Th lợi bất chính là 5.225.000 đồng (gồm 3.725.000 tiền lãi bất hợp pháp và 1.500.000 đồng tiền phí).

- Lần 2: Tháng 5/2023, bà Q vay số tiền: 20.000.000 đồng trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày trả 1.200.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 25.200.000 đồng). Số tiền bà Q thực nhận là 15.600.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 2.400.000 đồng; tiền phí 2.000.000 đồng). Hiện nay bà Q đã trả đủ gốc và lãi là: 25.200.000 đồng. Số tiền Th lợi bất chính là 6.966.667 đồng (gồm 4.966.667 tiền lãi bất hợp pháp và 2.000.000 đồng tiền phí).

- *Lần 3*: tháng 8/2023, bà Q vay số tiền 20.000.000 đồng, trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày trả 1.200.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 25.200.000 đồng). Số tiền bà Q thực nhận: 17.800.000 đồng (trừ trước tiền góp trong 01 ngày là 1.200.000 đồng và trừ tiền phí 1.000.000 đồng). Hiện nay, bà Q đã trả được gốc và lãi trong 11 ngày với số tiền 13.200.000 đồng (tiền gốc 9.625.000, tiền lãi 3.575.000), còn nợ lại tiền gốc là 10.375.000 đồng. Tổng số tiền Th lợi bất chính là 4.452.778 đồng (gồm 3.452.778 đồng lãi bất hợp pháp và 1.000.000 đồng tiền phí).

Tổng số tiền gốc Đ và T cho bà Q vay là 55.000.000 đồng, tổng số tiền Th lợi bất chính: 16.644.445 đồng. Số tiền gốc bà Q còn nợ lại là 10.375.000 đồng (BL: 239-241).

1.5. Bà Ngô Thị Bảo, sinh năm 1987; Địa chỉ: số 254 Phù Đồng Thiên Vương, Phường K, ĐL, LĐ. Vay 01 lần: Tháng 9/2023, bà Y vay số tiền 15.000.000 đồng, trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày trả 900.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 18.900.000 đồng). Số tiền bà Y thực nhận 12.600.000 đồng (trừ tiền góp 01 ngày 900.000 đồng; tiền phí 1.500.000 đồng). Hiện nay bà Q đã trả được gốc và lãi 05 ngày với số tiền: 4.500.000 đồng (tiền gốc 9.625.000, tiền lãi 3.575.000), còn nợ lại tiền gốc là 11.718.750 đồng. Số tiền T và Đ Th lợi bất chính là 2.677.083 đồng (gồm 1.177.083 đồng lãi bất hợp pháp và 1.500.000 đồng tiền phí) (BL: 234-236).

1.6. Ông Lương Quang Kh, sinh năm 1965; Địa chỉ: số 19B, Triệu Việt Vương, Phường C, thành phố ĐL. Vay 02 lần:

- *Lần 1*: Tháng 8/2023, ông Kh vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.600.000 đồng). Số tiền ông Kh thực nhận là 9.400.000 đồng (trừ trước tiền góp trong 01 ngày là 600.000 đồng). Hiện nay, ông Kh trả được gốc và lãi trong 13 ngày thì tiếp tục vay khoản khác để thanh toán 08 ngày còn thiếu. Tổng số tiền ông Kh đã trả là 12.600.000 đồng (tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.600.000). Tổng số tiền Th lợi bất chính là 2.483.333 đồng.

- *Lần 2*: Cuối Tháng 8/2023, ông Kh vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.600.000 đồng). Số tiền ông Kh thực nhận là 4.600.000 đồng (trừ trước tiền góp trong 01 ngày là 600.000 đồng và trừ 08 ngày còn nợ của khoản vay thứ nhất là 4.800.000 đồng). Hiện nay, ông Kh đã trả được gốc và lãi trong 06 ngày với số tiền 3.600.000 đồng (tiền gốc 2.625.000 đồng, tiền lãi 975.000), còn nợ lại tiền gốc là 7.375.000 đồng. Số tiền Th lợi bất chính là 941.667 đồng.

Tổng số tiền gốc Đ và T cho ông Kh vay là 20.000.000 đồng số tiền Th lợi bất chính 3.425.000 đồng. Số tiền gốc ông Kh còn nợ lại là 7.375.000 đồng (BL: 226-228)

1.7. Bà Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1955, địa chỉ: số 18/1 Nguyễn Du, Phường N, thành phố ĐL. Vay 07 lần:

- *Lần 1*: Ngày 06/04/2023, bà Th vay 10.000.000 đồng, trong thời hạn 15 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng). Số tiền bà Th thực nhận là 9.200.000 đồng (trừ trước tiền góp trong 01 ngày là 800.000 đồng).

Hiện nay, bà Th trả được gốc và lãi trong 15 ngày với số tiền 12.000.000 đồng (tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000). Số tiền Th lợi bất chính là 1.966.667 đồng.

- *Lần 2*: Ngày 20/04/2023, bà Th vay 10.000.000 đồng, trong thời hạn 15 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng). Số tiền bà Th thực nhận là 9.200.000 đồng (trừ trước tiền góp trong 01 ngày là 800.000 đồng). Hiện nay, bà Th trả được gốc và lãi trong 15 ngày với số tiền 12.000.000 đồng (tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000). Số tiền Th lợi bất chính là 1.966.667 đồng.

- *Lần 3*: Ngày 03/05/2023, bà Th vay 10.000.000, trong thời hạn 15 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng). Số tiền bà Th thực nhận là 9.200.000 đồng (trừ trước tiền góp trong 01 ngày là 800.000 đồng). Hiện nay, bà Th trả được gốc và lãi trong 15 ngày với số tiền 12.000.000 đồng (tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000). Số tiền Th lợi bất chính là 1.966.667 đồng.

- *Lần 4*: Ngày 16/05/2023, bà Th vay 10.000.000 đồng, trong thời hạn 15 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng). Số tiền bà Th thực nhận là 9.200.000 đồng (trừ trước tiền góp trong 01 ngày là 800.000 đồng). Hiện nay, bà Th trả được gốc và lãi trong 15 ngày với số tiền 12.000.000 đồng (tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000). Số tiền Th lợi bất chính là 1.966.667 đồng.

- *Lần 5*: Ngày 29/05/2023, bà Th vay 10.000.000 đồng, trong thời hạn 15 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng). Số tiền bà Th thực nhận là 9.200.000 đồng (trừ trước tiền góp trong 01 ngày là 800.000 đồng). Hiện nay, bà Th trả được gốc và lãi trong 15 ngày với số tiền 12.000.000 đồng (tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000). Số tiền Th lợi bất chính là 1.966.667 đồng.

- *Lần 6*: Ngày 12/06/2023, bà Th vay 10.000.000 đồng, trong thời hạn 15 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng). Số tiền bà Th thực nhận là 9.200.000 đồng (trừ trước tiền góp trong 01 ngày là 800.000 đồng). Hiện nay, bà Th trả được gốc và lãi trong 15 ngày với số tiền 12.000.000 đồng (tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000). Số tiền Th lợi bất chính là 1.966.667 đồng.

- *Lần 7*: Ngày 10/08/2023, bà Th vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời hạn 15 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng). Số tiền bà Th thực nhận là 9.200.000 đồng (trừ trước tiền góp trong 01 ngày là 800.000 đồng). Hiện nay, bà Th trả được gốc và lãi trong 15 ngày với số tiền 12.000.000 đồng (tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000). Số tiền Th lợi bất chính là 1.966.667 đồng.

Tổng số tiền gốc Đ và T cho bà Th vay là 70.000.000 đồng, tổng số tiền Th lợi bất chính: 13.766.667 đồng (BL: 252-253).

2. Bị can Bùi Đình T cho 05 người vay riêng với tổng Số tiền cho vay là 100.000.000 đồng, tổng số tiền Th lợi bất chính là: 22.709.081 đồng (gồm: 17.909.081 đồng tiền lãi bất hợp pháp và 4.000.000 đồng tiền phí vay). Cụ thể:

2.1. Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1979; Địa chỉ: số 70 Huyền Trân Công Chúa, Phường E, thành phố ĐL. Vay 02 lần:

- *Lần 1*: Tháng 8/2023, bà Tr vay số tiền: 15.000.000 đồng, trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày trả 750.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 18.750.000 đồng). Số tiền bà Tr thực nhận là 15.000.000 đồng. Hiện nay, bà Tr trả đủ gốc và lãi trong 25 ngày với số tiền 18.750.000 đồng (tiền gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi 3.750.000 đồng). Số tiền Th lợi bất chính là 3.541.667 đồng.

- *Lần 2*: Tháng 9/2023, bà Tr vay số tiền: 15.000.000 đồng, trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày trả 750.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 18.750.000 đồng). Số tiền bà Tr thực nhận là 15.000.000 đồng. Hiện nay, bà Tr trả được gốc và lãi trong 09 ngày với số tiền 6.750.000 đồng (tiền gốc 5.192.308 đồng, tiền lãi 1.557.692 đồng), còn nợ lại 9.807.692 đồng tiền gốc. Số tiền Th lợi bất chính là 1.482.692 đồng.

Tổng số tiền gốc T cho bà Tr vay là 30.000.000 đồng, số tiền Th lợi bất chính: 5.024.359 đồng (BL: 237-238).

2.2. Bà Hoàng Thị Kim Th, sinh năm 1983; Địa chỉ: Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường I, thành phố ĐL. Vay 01 lần: Tháng 8/2023, bà Th vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 6.300.000 đồng). Số tiền bà Tr thực nhận là 4.200.000 đồng (trừ tiền góp 01 ngày 300.000 đồng; tiền phí 500.000 đồng). Hiện nay, bà Th trả được gốc và lãi trong 17 ngày với số tiền 5.100.000 đồng (tiền gốc 3.718.750 đồng, tiền lãi 1.381.250 đồng), còn nợ lại 1.281.250 đồng tiền gốc. Số tiền Th lợi bất chính là 1.834.028 đồng

2.3. Bà Đặng Thị Ngọc V, sinh năm 1968; Địa chỉ: Hai Bà Trưng, Phường D, thành phố ĐL, vay 02 lần:

- *Lần 1*: Tháng 2/2023, bà V vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.600.000 đồng). Số tiền bà V thực nhận là 7.850.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 1.200.000 đồng; tiền phí 1.000.000 đồng). Hiện nay, bà Tr trả đủ gốc và lãi trong 21 ngày với số tiền 12.600.000 đồng (tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.600.000 đồng). Số tiền Th lợi bất chính là 3.483.333 đồng.

- *Lần 2*: Tháng 3/2023, bà V vay số tiền 15.000.000 đồng, trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày trả 900.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 18.900.000 đồng). Số tiền bà V thực nhận là 11.700.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 1.800.000 đồng; tiền phí 1.500.000 đồng). Hiện nay, bà Tr trả được gốc và lãi trong 11 ngày với số tiền 9.900.000 đồng (tiền gốc 7.218.750 đồng, tiền lãi 2.681.250 đồng), hiện còn nợ lại tiền gốc là 7.781.250 đồng. Số tiền Th lợi bất chính là 4.089.583 đồng.

Tổng số tiền gốc T cho bà V vay là 25.000.000 đồng, tổng số tiền Th lợi bất chính là 7.572.916 đồng (BL: 207).

2.4. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1987; Địa chỉ: 65/1 Tr Q K, phường 8, thành phố ĐL, vay 01 lần: Tháng 09/2023, ông V vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời

hạn 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.600.000 đồng). Số tiền ông Vinh thực nhận là 7.800.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 1.200.000 đồng; tiền phí 1.000.000 đồng). Hiện nay, ông V trả được gốc và lãi trong 4 ngày với số tiền 2.400.000 đồng (tiền gốc 1.750.000 đồng, tiền lãi 650.000 đồng), hiện còn nợ lại tiền gốc là 8.250.000 đồng. Số tiền Th lợi bất chính là 1.627.778 đồng (BL: 229-230)

2.5. Bà Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm: 1955; Địa chỉ: 18/1 Nguyễn Du, Phường N, thành phố ĐL, vay 03 lần:

- *Lần 1*: Ngày 24/02/2023, bà Th vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời hạn 15 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng). Số tiền bà Th thực nhận là 9.200.000 đồng (trừ tiền góp 01 ngày 800.000 đồng). Hiện nay, bà Th trả đủ gốc và lãi trong 15 ngày với số tiền 12.0000.000 đồng (tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng). Số tiền Th lợi bất chính là 1.950.000 đồng.

- *Lần 2*: Ngày 08/03/2023, bà Th vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời hạn 15 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng). Số tiền bà Th thực nhận là 3.600.000 đồng (trừ số tiền còn nợ lại của lần vay thứ nhất là 6.400.000 đồng). Hiện nay, bà Th trả đủ gốc và lãi trong 15 ngày với số tiền 12.0000.000 đồng (tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng). Số tiền Th lợi bất chính là 1.950.000 đồng.

- *Lần 3*: Ngày 22/03/2023, bà Th vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời hạn 15 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng). Số tiền bà Th thực nhận là 5.200.000 đồng (trừ số tiền còn nợ lại của lần vay thứ hai là 3.200.000 đồng + tiền phí 800.000 đồng và Th trước 01 ngày góp 800.000 đồng). Hiện nay, bà Th trả đủ gốc và lãi trong 15 ngày với số tiền 12.0000.000 đồng (tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng). Số tiền Th lợi bất chính là 2.750.0000 đồng.

Tổng số tiền gốc T cho bà Th vay là 30.000.000 đồng, số tiền Th lợi bất chính là 6.650.000 đồng (BL: 252-253)

3. Bị cáo Lê Tư Đ cho 03 người vay riêng với Tổng số tiền cho vay là 870.000.000 đồng, tổng số tiền Th lợi bất chính là 203.426.239 đồng (gồm: 187.776.239 tiền lãi bất hợp pháp và 15.650.000 đồng tiền phí vay). Cụ thể:

3.1. Bà Trần Thị Minh V, sinh năm: 1976; HKTT: 09B Đồng Tâm, Phường E, thành phố ĐL. Vay 22 lần:

- *Lần 1, 2*: Ngày 24/4/2023, bà V vay 10.000.000 đồng, hình thức vay lãi đứng, Đ trừ trước 10 ngày tiền lãi (*lãi đến 03/5/2023*) là 1.000.000 đồng, số tiền bà V thực nhận là 9.000.000 đồng. Đến ngày 03/5/2023, bà V tiếp tục trả lãi trước đến này 12/5/2023 là 1.000.000 đồng. Đến ngày 03/5/2023, bà V vay thêm 20.000.000 đồng, hình thức vay lãi đứng, Đ chuyển khoản cho bà V vay và trừ trước 10 ngày tiền lãi (*lãi đến 12/5/2023*) là 2.000.000 đồng, số tiền bà V thực nhận là 18.000.000 đồng. Lần vay này thì Đ gom cả số tiền vay lần 1 của bà V thành 1 khoản vay chung là: 30.000.000 đồng. Đến ngày 12/5/2023, bà V chuyển khoản trả lãi trước đến này

21/5/2023 là 3.000.000 đồng. Ngày 20/5/2023, bà V đã trả tiền gốc 30.000.000 đồng cho Đ, do bà V trả trước nên được trừ lại 2 ngày tiền lãi là 600.000 đồng. Vì vậy bà V đã chuyển khoản cho Đ số tiền: 29.400.000 đồng. Bà V đã thanh toán xong lần vay thứ 1 và 2. Số tiền Th lợi bất chính là 6.044.444 đồng.

- *Lần 3:* Ngày 23/5/2023, bà V vay 30.000.000 đồng, hình thức vay lãi đứng, 10 ngày trả lãi 1 lần với số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, Đ chuyển khoản cho bà V 27.000.000 đồng, trừ trước 10 ngày tiền lãi (*lãi đến 02/6/2023*) là 3.000.000 đồng. Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 27/6/2023, bà V đã chuyển khoản trả tổng cộng lãi và gốc cho Đ là 39.300.000 đồng (tiền gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi 9.300.000 đồng). Số tiền Th lợi bất chính 8.772.222 đồng.

- *Lần 4:* Ngày 26/6/2023, bà V tiếp tục vay số tiền 50.000.000 đồng, hình thức vay lãi đứng, 10 ngày trả lãi 1 lần với số tiền 5.000.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Đ chuyển khoản cho bà V 45.000.000 đồng, vì Đ trừ trước tiền lãi 10 ngày đến 05/7/2023 là 5.000.000 đồng. Từ ngày 2/7/2023 đến ngày 1/9/2023, bà V đã nhiều lần trả tiền gốc và tiền lãi cho Đ với tổng số tiền là 46.600.000 đồng (tiền gốc 30.000.000, tiền lãi 16.600.000 đồng), còn nợ lại tiền gốc 20.000.000 đồng. Số tiền Th lợi bất chính là 15.700.000 đồng.

- *Lần 5:* Ngày 30/6/2023, bà V vay trả góp số tiền 30.000.000 đồng, trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày trả 1.500.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 37.500.000 đồng). Số tiền bà V thực nhận là 27.600.000 đồng (Đ trừ tiền phí 900.000 đồng + 01 ngày góp là 1.500.000 đồng). Hiện nay, bà V đã trả đủ cả gốc và lãi là 37.500.000 đồng. Số tiền Th lợi bất chính là 9.483.333 đồng.

- *Lần 6:* Ngày 05/7/2023, bà V vay đứng 50.000.000 đồng, mỗi ngày bà V phải trả tiền lãi 500.000 đồng/ngày cho đến khi trả hết tiền gốc. Đ chuyển khoản cho bà V số tiền 43.000.000 đồng (Trừ trước tiền lãi của 10 ngày đến 14/7/2023 là 5.000.000 đồng và trừ 2.000.000 đồng lãi đến ngày 15/7/2023 của khoản vay lần 4). Từ ngày 14/7/2023 đến ngày 27/7/2023, bà V trả hết tiền gốc và lãi của khoản vay này là 61.500.000 đồng (tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi 11.500.000 đồng). Số tiền Th lợi bất chính 10.861.111 đồng.

- *Lần 7:* Ngày 11/7/2023, bà V vay trả góp 30.000.000 đồng, trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày trả 1.500.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 37.500.000 đồng). Số tiền bà V thực nhận là 27.600.000 đồng (Đ trừ 900.000 đồng tiền phí và trừ trước 01 ngày góp là 1.500.000 đồng). Hiện nay bà V đã trả đủ số tiền gốc và lãi là 37.500.000 đồng (gốc 30.000.000 đồng, lãi 17.500.000 đồng). Số tiền Th lợi bất chính 9.483.333 đồng.

- *Lần 8:* Ngày 16/7/2023, bà V vay góp 20.000.000 đồng, trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 25.000.000 đồng). Số tiền bà V thực nhận là 14.900.000 đồng (Đ trừ 600.000 đồng tiền phí; trừ trước 01 ngày góp là 1.000.000 đồng; trừ 2.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay ngày 26/6/2023 và 1.500.000 đồng tiền góp của khoản vay ngày 11/7/2023). Hiện nay bà V đã trả đủ số tiền gốc và lãi là 25.000.000 đồng (Gốc 20.000.000 đồng, lãi 5.000.000 đồng). Số tiền Th lợi bất chính 5.322.222 đồng.

- *Lần 9*: Ngày 20/7/2023, bà V vay trả góp 40.000.000 đồng, trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 50.000.000 đồng). Số tiền bà V thực nhận là 32.300.000 đồng (Đ trừ 1.200.000 đồng tiền phí, trừ trước 01 ngày góp là 2.000.000 đồng và 4.500.000 đồng tiền lãi của khoản vay ngày 26/6/2023 và 1.500.000 đồng tiền góp của khoản vay ngày 30/6/2023). Hiện nay bà V đã trả đủ số tiền gốc và lãi là 50.000.000 đồng (Gốc 40.000.000 đồng, lãi 10.000.000 đồng). Số tiền Th lợi bất 10.644.444 đồng.

- *Lần 10*: Ngày 26/7/2023, bà V vay góp 30.000.000 đồng, trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày trả 1.500.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 37.500.000 đồng). Lần vay này, Đ không chuyển tiền cho bà V mà trừ 15.000.000 đồng của khoản vay ngày 11/7/2023 và 14.000.000 đồng của khoản vay ngày 16/7/2023, số tiền 900.000 đồng tiền phí. Hiện nay bà V đã trả đủ số tiền gốc và lãi là 37.500.000 đồng (gốc 30.000.000 đồng, lãi 7.500.000 đồng). Số tiền Th lợi bất 7.983.333 đồng.

- *Lần 11*: Ngày 27/7/2023, bà V vay đúng số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả tiền lãi 100.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền bà V thực nhận là 9.600.000 đồng (Đ Trừ trước tiền lãi 4 ngày đến 30/7/2023 là 400.000 đồng). Từ ngày 27/7/2023 đến ngày Ngày 5/9/2023, bà V trả được 4.100.000 đồng tiền lãi, số tiền gốc còn nợ là 10.000.000 đồng. Số tiền Th lợi bất chính là 3.872.222 đồng.

- *Lần 12*: Ngày 28/7/2023, bà V vay đúng 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả tiền lãi 200.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền bà V thực nhận là 18.000.000 đồng (Đ Trừ trước tiền lãi 10 ngày đến 06/8/2023 là 2.000.000 đồng). Đến ngày 31/7/2023, bà V trả hết tiền gốc 20.000.000 đồng nên được trừ lại 6 ngày tiền lãi là: 1.200.000 đồng. Số tiền lãi đã trả là 800.000 đồng, số tiền Th lợi bất chính 755.556 đồng.

- *Lần 13*: Ngày 30/7/2023, bà V vay đúng 30.000.000 đồng, 1 mỗi ngày trả tiền lãi 300.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền bà V thực nhận là 25.500.000 đồng (Đ Trừ trước tiền lãi 8 ngày đến 06/8/2023 là 2.400.000 đồng + 1.400.000 đồng tiền lãi 7 ngày của khoản vay ngày 26/6/2023 + 700.000 đồng tiền lãi của khoản vay ngày 27/7/2023). Từ ngày 30/7/2023 đến ngày 05/9/2023, bà V đã trả được 11.400.000 đồng tiền lãi, số tiền gốc còn nợ là 30.000.000 đồng. Số tiền Th lợi bất chính là 10.766.667 đồng.

- *Lần 14*: Ngày 03/8/2023, bà V vay góp 50.000.000 đồng, trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả góp 2.500.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 62.500.000 đồng). Số tiền bà V thực nhận là 42.500.000 đồng (trừ trước 7.500.000 đồng, gồm: phí 1.500.000 đồng + 1 ngày góp 2.500.000 đồng + 2.000.000 đồng tiền góp của lần vay ngày 20/7/2023 và 1.500.000 đồng tiền góp của lần vay ngày 26/7/2023). Hiện nay, bà V đã trả đủ cả gốc và lãi là 62.500.000 đồng (gốc 50.000.000 đồng, lãi 12.500.000 đồng). Số tiền Th lợi bất chính 13.305.556 đồng.

- *Lần 15*: Ngày 05/8/2023, bà V vay góp 50.000.000 đồng, trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả góp 2.500.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 62.500.000 đồng). Số tiền bà V thực nhận là 42.000.000 đồng (trừ trước 8.000.000 đồng, gồm: phí 1.500.000 đồng + 1 ngày góp 2.500.000 đồng + 2.000.000 đồng tiền góp của lần vay ngày 26/7/2023 và 2.000.000 đồng tiền góp của lần vay ngày 03/8/2023). Hiện nay, bà V

đã trả đủ cả gốc và lãi là 62.500.000 đồng (gốc 50.000.000 đồng, lãi 12.500.000 đồng). Số tiền Th lợi bất chính 13.305.556 đồng.

- *Lần 16*: Ngày 08/8/2023, bà V vay đúng 40.000.000 đồng, mỗi ngày trả lãi 400.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền bà V thực nhận là 36.000.000 đồng (trừ trước 4.000.000 đồng tiền lãi của 10 ngày, đến 17/8/2023). Ngày 11/8/2023, bà V trả hết 40.000.000 tiền gốc nên được trả lại 6 ngày tiền lãi đã trả trước là 2.400.000 đồng nên tổng số tiền lãi bà V đã trả là 1.600.000 đồng. Số tiền Th lợi bất chính là 1.511.111 đồng.

- *Lần 17*: Ngày 13/8/2023, bà V vay góp 20.000.000 đồng, trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả góp 1.000.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 25.000.000 đồng). Số tiền bà V thực nhận là 18.400.000 đồng (trừ trước 1.600.000 đồng, gồm: phí 600.000 đồng và góp 1 ngày là 1.000.000 đồng). Hiện nay, bà V đã trả đủ cả gốc và lãi là 25.000.000 đồng (gốc 20.000.000 đồng, lãi 5.000.000 đồng). Số tiền Th lợi bất chính 5.322.222 đồng.

- *Lần 18*: Trong ngày ngày 13/8/2023, bà V vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, mỗi ngày trả tiền lãi 500.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền bà V thực nhận là 40.000.000 đồng (trừ trước 10.000.000 đồng, gồm: tiền lãi 10 ngày đến 22/8/2023 là 5.000.000 đồng + 2.500.000 đồng tiền góp ngày 13/8/2023 của khoản vay ngày 03/8/2023 và 2.500.000 đồng tiền góp ngày 13/8/2023 của khoản vay ngày 05/8/2023). Từ ngày 13/8/2023 đến ngày 22/8/2023, bà V đã trả được 10.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại 50.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền Th lợi bất chính là 9.444.444 đồng.

- *Lần 19*: Ngày 17/8/2023, bà V vay góp 50.000.000 đồng, trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả góp 2.500.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 62.500.000 đồng). Số tiền bà V thực nhận là 48.500.000 đồng (trừ trước 1.500.000 đồng tiền phí). Hiện nay, bà V đã trả được cả gốc và lãi là 45.000.000 đồng (gốc 34.615.385 đồng, lãi 10.384.615 đồng), còn nợ lại 15.384.615 đồng tiền gốc. Số tiền Th lợi bất chính 11.384.615 đồng.

- *Lần 20*: Ngày 24/8/2023, bà V vay góp 50.000.000 đồng, trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả góp 2.500.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 62.500.000 đồng). Số tiền bà V thực nhận là 38.500.000 đồng (trừ 11.500.000 đồng, gồm: Phí 1.500.000 đồng, 01 ngày góp 2.500.000 đồng và 7.500.000 đồng của khoản vay ngày 05/8/2023). Hiện nay, bà V đã trả được cả gốc và lãi là 30.000.000 đồng (gốc 23.076.923 đồng, lãi 6.923.077 đồng), còn nợ lại 26.923.077 đồng tiền gốc. Số tiền Th lợi bất chính 8.089.744 đồng.

- *Lần 21*: Ngày 27/8/2023, bà V vay số tiền 20.500.000 đồng, trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi 1.000.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 25.000.000 đồng). Khoản vay này được là để trả tiền nợ của lần vay ngày 03/8/2023 (lần thứ 13) còn 7.500.000 đồng và tiền nợ lần vay ngày 13/8/2023 (lần thứ 16) còn 13.000.000 đồng. Hiện nay bà V đã trả được cả gốc và lãi là 7.000.000 đồng (gốc 5.384.615 đồng, lãi 1.615.385 đồng), còn nợ lại 14.615.385 đồng tiền gốc. Số tiền Th lợi bất chính là 1.537.607 đồng.

- *Lần 22*: Ngày 30/8/2023, bà V vay góp 40.000.000 đồng, trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả góp 2.000.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 50.000.000 đồng). Số tiền bà V thực nhận là 33.300.000 đồng (Trừ 6.700.000 đồng, gồm: Phí 1.200.000 đồng + 01 ngày góp 2.000.000 đồng + 2.500.000 đồng nợ của lần vay ngày 24/8/2023 và 1.000.000 đồng của lần vay 27/8/2023). Hiện nay, bà V đã trả được cả gốc và lãi là 8.000.000 đồng (gốc 6.153.846 đồng, lãi 1.846.154 đồng), còn nợ lại 33.846.154 đồng tiền gốc. Số tiền Th lợi bất chính 2.957.265 đồng

Tổng số tiền gốc Đ cho bà V vay là 740.000.000 đồng (số tiền gốc đã Th lại là 539.230.769 đồng, số tiền gốc còn nợ là 200.769.231 đồng) số tiền Th lợi bất chính: 163.547.009 đồng (Số lãi bất hợp pháp: 151.247.009 đồng, tiền phí: 15.650.000 đồng) (BL: 208-224; 245-251).

3.2. Ông Nguyễn Vũ H, sinh năm 1971; Địa chỉ: 45C, đường Cao TH, Phường I, thành phố ĐL, vay của Đ 04 lần:

- *Lần 1*: Ngày 24/07/2023, ông H vay số tiền 15.000.000 đồng, trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả góp 750.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 18.750.000 đồng). Số tiền ông H thực nhận là 13.050.000 đồng (Phí 450.000 đồng + 02 ngày góp 1.500.000 đồng). Hiện nay, ông H đã trả được cả gốc và lãi là 18.750.000 đồng (gốc 15.000.000 đồng, lãi 3.750.000 đồng). Số tiền Th lợi bất chính 4.125.000 đồng

- *Lần 2*: Ngày 07/08/2023, ông H vay số tiền 15.000.000 đồng, trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả góp 750.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 18.750.000 đồng). Số tiền ông H thực nhận là 3.500.000 đồng (trừ 10.500.000 đồng tiền nợ của lần vay thứ nhất và tiền phí 1.000.000 đồng). Hiện nay, ông H đã trả được cả gốc và lãi là 18.750.000 đồng (gốc 15.000.000 đồng, lãi 3.750.000 đồng). Số tiền Th lợi bất chính 4.675.000 đồng.

- *Lần 3*: Ngày 21/08/2023, ông H vay số tiền 20.000.000 đồng, trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả góp 1.000.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 25.000.000 đồng). Số tiền ông H thực nhận là 7.600.000 đồng (trừ 10.500.000 đồng tiền nợ của lần vay thứ hai + tiền phí 900.000 đồng và Th trước 1.000.000 đồng tiền góp). Hiện nay, ông H đã trả được cả gốc và lãi là 25.000.000 đồng (gốc 20.000.000 đồng, lãi 5.000.000 đồng). Số tiền Th lợi bất chính 5.800.000 đồng.

- *Lần 4*: Ngày 02/09/2023, ông H vay số tiền 20.000.000 đồng, trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả góp 1.000.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 25.000.000 đồng). Số tiền ông H thực nhận là 4.800.000 đồng (trừ 13.200.000 đồng tiền nợ của lần vay thứ ba + tiền phí 1.000.000 đồng và Th trước 1.000.000 đồng tiền góp). Hiện nay, ông H đã trả được cả gốc và lãi là 5.500.000 đồng (gốc 4.230.769 đồng, lãi 1.269.231 đồng), còn nợ lại 15.769.231 đồng. Số tiền Th lợi bất chính 2.169.231 đồng.

Tổng số tiền gốc Đ cho ông H vay là 70.000.000 đồng, số tiền Th lợi bất chính: 16.769.231 đồng (BL: 203-206).

3.3. Bà Hồ Y H, sinh năm 1977; địa chỉ: 141 Bis, đường Tr Q K, Phường K, thành phố ĐL, vay 02 lần:

- *Lần 1*: Ngày 22/7/2023, bà H vay số tiền 30.000.000 đồng, theo hình thức vay đứng thỏa Thận trả tiền lãi mỗi ngày 360.000 đồng cho đến khi trả hết tiền gốc. Số

tiền bà H thực nhận là 28.200.000 đồng (đã trừ 05 ngày tiền lãi là: 1.800.000 đồng). Hiện nay, bà H đã đóng tiền lãi 25 ngày với số tiền là: 9.000.000 đồng (Đã gồm 5 ngày trừ trước) và còn lại tiền gốc là: 30.000.000 đồng. Số tiền Th lợi bất chính 8.283.333 đồng

- *Lần 2*: Ngày 15/08/2023, bà H vay thêm số tiền 30.000.000 đồng, theo hình thức vay đúng thỏa Thân trả tiền lãi mỗi ngày với số tiền: 660.000 đồng cho đến khi trả được tiền gốc của khoản vay thứ nhất và thứ 2 (cộng thêm tiền lãi phải trả trong lần một nên một ngày bà H phải đóng số tiền là 660.000 đồng). Thực nhận số tiền: 29.280.000 đồng (trừ tiền lãi 02 ngày còn nợ của khoản vay thứ nhất). Khoản vay trên bà H đã đóng tiền lãi được 15.360.000 đồng (gồm 660.000 đồng/1 ngày của 16 ngày với số tiền 10.560.000 đồng, sau đó bà H xin giảm tiền lãi một ngày xuống còn 600.000 đồng/ngày, bà H đóng thêm 8 ngày tiền lãi với số tiền là: 4.800.000 đồng), hiện còn nợ lại tiền gốc là 60.000.000 đồng. Số tiền Th lợi bất chính là 14.826.667 đồng.

Tổng số tiền gốc Đ cho bà H vay là 60.000.000 đồng, số tiền Th lợi bất chính: 23.110.000 đồng (BL: 201-202).

Vật chứng Th giữ:

- 01 điện Thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xanh lá cây có số Imei 350879907423332 sử dụng số điện Thoại “0813151111” (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) - do Bùi Đình T sử dụng.

+ 01 điện Thoại di động hiệu Nokia màu đen có số serial 357328080009248 sử dụng số điện Thoại “0705497325” (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) - do Bùi Đình T sử dụng

+ 01 điện Thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh dương có số Imei 351330883712495 sử dụng số điện Thoại “0832332222” (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) - do Lê Tư Đ sử dụng.

+ 01 điện Thoại di động hiệu Nokia màu xanh có số Imei 352607740368556; 352607740868555 sử dụng số điện Thoại “0865550007” (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) - do Lê Tư Đ sử dụng;

+ 06 (sáu) tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng;

+ 20 (hai mươi) tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng (BL: 64-69).

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 03/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL truy tố bị cáo Lê Tư Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Bùi Đình T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Tư Đ và Bùi Đình T khai nhận, để Th lợi bất chính từ việc cho vay tiền, từ tháng 12 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023, tại địa bàn thành phố ĐL, Bùi Đình T và Lê Tư Đ đã nhiều lần cho nhiều người vay tiền với lãi suất từ 30%/tháng đến 40%/tháng (tương đương 360%/năm tới 480%/năm). Tổng số tiền lãi bất chính Đ Th được là 251.122.489 đồng và T đã Th là 70.405.331 đồng

như cáo trạng truy tố là hoàn toàn chính xác, các bị cáo đều không thắc mắc khiếu nại gì và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Sau phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Lê Tư Đ, Bùi Đình T về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 và 2 Điều 51; các Điều 38; 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Tư Đ từ 09 (*chín*) đến 12 (*mười hai*) tháng tù; phạt bổ sung đối với bị cáo Đ từ 20 đến 30 triệu đồng Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 35 và 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đình T từ 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) đến 120.000.000đ (*một trăm hai mươi triệu đồng*).

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch Th bán sung Ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện Thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xanh lá cây có số Imei 350879907423332 sử dụng số điện Thoại “0813151111” (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong), do Bùi Đình T sử dụng.

+ 01 điện Thoại di động hiệu Nokia màu đen có số serial 357328080009248 sử dụng số điện Thoại “0705497325”, do Bùi Đình T sử dụng.

+ 01 điện Thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh dương có số Imei 351330883712495 sử dụng số điện Thoại “0832332222”, do Lê Tư Đ sử dụng.

+ 01 điện Thoại di động hiệu Nokia màu xanh có số Imei 352607740368556; 352607740868555 sử dụng số điện Thoại “0865550007”, do Lê Tư Đ sử dụng;

Về biện pháp tư pháp:

1. Đối với khoản tiền Đ và T góp chung để cho vay:

- Truy Th sung công quỹ số tiền gốc đã Th lại của người vay là 159.699.306 đồng. Buộc bị cáo Đ nộp lại 79.849.653 đồng; bị cáo T nộp lại 79.849.653 đồng để sung công quỹ nhà nước

- Truy Th sung công quỹ số tiền lãi hợp pháp là 1.304.444 đồng. Buộc bị cáo Đ nộp lại 652.222 đồng; bị cáo T nộp lại 652.222 đồng.

- Buộc bị cáo Đ và bị cáo T trả lại số tiền Th lợi bất chính cho người vay gồm:

+ Bà Nguyễn Thị Th tổng số tiền 4.616.389 (tiền lãi bất hợp pháp là 2.916.389 đồng và tiền phí bất hợp pháp 1.700.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại 2.308.194 đồng;

+ Bà Nguyễn Thị Th tổng số tiền 2.726.389 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 1.726.389 đồng và tiền phí bất hợp pháp 1.000.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại 1.363.194 đồng;

+ Bà Trần Thị Th tổng số tiền 6.566.666 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 4.966.666 đồng và tiền phí bất hợp pháp 1.600.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại 3.283.333 đồng;

+ Bà Cao Thị Tường Q tổng số tiền 16.644.445 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 12.144.445 đồng và tiền phí bất hợp pháp 4.500.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại 8.322.222 đồng;

+ Bà Ngô Thị Bảo tổng số tiền 2.677.083 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 1.177.083 đồng và tiền phí bất hợp pháp 1.500.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại 1.338.541 đồng;

+ Ông Lương Quang Kh tổng số tiền 3.425.000 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 3.425.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại 1.712.500 đồng;

+ Bà Nguyễn Thị Phương Th tổng số tiền 13.766.669 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 13.766.669 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại 6.883.334 đồng.

- Truy Th số tiền gốc mà người vay tiền chưa trả cho các bị cáo để nộp ngân sách nhà nước gồm:

+ Bà Nguyễn Thị Th số tiền 2.644.444 đồng;

+ Nguyễn Thị Th số tiền 5.187.500 Đồng;

+ Cao Thị Tường Q số tiền số tiền 10.375.000 đồng;

+ Ngô Thị Bảo số tiền 11.718.750 đồng;

+ Lương Quang Kh số tiền 7.375.000 đồng.

2. Đối với khoản tiền Đ cho vay:

- Truy Th sung công quỹ số tiền gốc đã Th lại của người vay là 593.461.538 đồng.

- Truy Th sung công quỹ số tiền lãi hợp pháp là 10.322.222 đồng.

- Buộc bị cáo Đ trả lại số tiền Th lợi bất chính cho người vay gồm:

+ Bà Trần Thị Minh V tổng số tiền 163.547.009 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 151.247.009 đồng và tiền phí bất hợp pháp 15.650.000 đồng);

+ Ông Nguyễn Vũ H tổng số tiền 16.769.231 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 13.419.231 đồng và tiền phí bất hợp pháp 3.350.000 đồng);

+ Bà Hồ Y H tổng số tiền 23.110.000 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 23.110.000 đồng);

- Truy Th số tiền gốc mà những người vay chưa trả lại cho bị cáo gồm:

+ Bà Trần Thị Minh V số tiền 200.769.231 đồng;

+ Nguyễn Vũ H số tiền 15.769.231 đồng;

+ Hồ Y H số tiền 60.000.000 đồng.

3. Đối với khoản tiền T cho vay:

- Truy Th sung công quỹ số tiền gốc đã Th lại của người vay là 72.879.808 đồng.

- Truy Th sung công quỹ số tiền lãi hợp pháp là 711.111 đồng.

- Buộc bị cáo T trả lại số tiền Th lợi bất chính cho người vay gồm:

+ Bà Hoàng Thị Kim Th tổng số tiền 1.834.028 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 1.334.028 đồng và tiền phí bất hợp pháp 500.000 đồng);

+ Bà Đặng Thị Ngọc V tổng số tiền 5.089.583 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 2.589.583 đồng và tiền phí bất hợp pháp 2.500.000 đồng);

+ Ông Nguyễn Văn V tổng số tiền 1.627.778 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 627.778 đồng và tiền phí bất hợp pháp 1.000.000 đồng);

+ Bà Phạm Thị Tr tổng số tiền 5.652.137 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 5.652.137 đồng);

+ Bà Nguyễn Thị Phương Th tổng số tiền 5.850.000 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 5.850.000 đồng);

- Truy Th số tiền gốc mà những người vay chưa trả lại cho bị cáo để sung quỹ Nhà nước gồm:

+ Bà Hoàng Thị Kim Th số tiền 1.281.250 đồng;

+ Bà Đặng Thị Ngọc V số tiền 7.781.250 đồng;

+ Ông Nguyễn Văn V số tiền 8.250.000 đồng;

+ Bà Phạm Thị Tr số tiền 9.807.692 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố ĐL, tỉnh LD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL, tỉnh LD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Tư Đ và Bùi Đình T: Đê Th lợi từ việc cho vay nặng lãi với các hình thức vay góp (trả góp gốc + lãi hàng ngày) và vay lãi đứng (trả tiền lãi cho đến khi trả xong tiền nợ gốc). Từ tháng 12 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023, tại địa bàn thành phố ĐL, Bùi Đình T và Lê Tư Đ đã nhiều lần cho nhiều người vay tiền với lãi suất vượt quá 5 lần mức lãi suất cáo nhất được quy định (từ 30%/tháng đến 40%/tháng, tương đương 360%/năm tới 480%/năm). Cụ thể, T và Đ cho 07 người vay với tổng số tiền cho vay là 197.000.000 đồng (Đ góp 98.500.000 đồng, T góp 98.500.000 đồng). Tổng số tiền Th lợi bất chính là 47.696.250 đồng (số lãi bất hợp pháp là 38.396.250 đồng; tiền phí các khoản vay là 9.300.000 đồng). Bị cáo Bùi Đình T cho 05 người vay riêng với tổng số tiền cho vay là 100.000.000 đồng, tổng số tiền Th lợi bất chính là 22.709.081 đồng (gồm: 17.909.081 đồng tiền lãi bất hợp pháp và 4.000.000 đồng tiền phí vay). Bị cáo Lê Tư Đ cho 03 người vay riêng với tổng số tiền cho vay là 870.000.000 đồng; số tiền Th lợi bất chính là 203.426.239 đồng (gồm: 187.776.239 tiền lãi bất hợp pháp và 15.650.000 đồng tiền phí vay).

Như vậy, tổng số tiền Lê Tư Đ dùng cho vay là 1.067.000.000đ (một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu đồng), với số tiền Th lợi bất chính là 251.122.489đ (hai trăm năm mươi một triệu một trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm tám mươi chín đồng). Bị cáo Bùi Đình T sử dụng số tiền cho vay 297.000.000đ (hai trăm chín mươi bảy

triệu), với số tiền Th lợi bất chính là 70.405.331đ (bảy mươi triệu bốn trăm lẻ năm ngàn ba trăm ba mươi một đồng).

[3] Xét thấy, các bị cáo Lê Tư Đ và Bùi Đình T đều là người đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo biết rõ việc cho người khác vay tiền để lấy lãi suất quá cao so với quy định của Nhà nước là vi phạm pháp luật, nhưng để thỏa mãn cho nhu cầu Th nhập bất chính của cá nhân, các bị cáo vẫn tham gia thực hiện. Hành vi của Lê Tư Đ và Bùi Đình T không chỉ gây thiệt hại cho lợi ích của người vay, xâm phạm vào quy định của Nhà nước về hoạt động tín dụng mà còn là nguyên nhân dẫn đến những vi phạm tội khác, gây mất an toàn, trật tự xã hội tại địa phương. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã Th thập trong quá trình điều tra vụ án, có đủ căn cứ kết luận hành vi của Lê Tư Đ phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự và Bùi Đình T phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự, như cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 03/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL, tỉnh LĐ truy tố và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không bàn bạc, phân công cụ thể. Xét vai trò, hành vi của từng bị cáo thì thấy, Lê Tư Đ cùng Bùi Đình T đã cho 07 người vay chung số tiền là 197.000.000 đồng, số tiền Th lợi bất chính là 47.696.250 đồng (số lãi bất hợp pháp là 38.396.250 đồng; tiền phí là 9.300.000 đồng). Ngoài ra, số tiền Lê Tư Đ cho 03 người vay riêng là 870.000.000 đồng, số tiền Th lợi bất chính là 203.426.239 đồng (gồm: 187.776.239 tiền lãi bất hợp pháp và 15.650.000 đồng tiền phí vay). Tổng số tiền Lê Tư Đ góp chung cùng Bùi Đình T và tiền Lê Tư Đ cho vay riêng là 1.067.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Th lợi bất chính của Đ là 251.122.489 đồng (số lãi bất hợp pháp 226.172.489 đồng; tiền phí là 24.950.000 đồng). Đối với Bùi Đình T cùng góp tiền với Lê Tư Đ cho 07 người vay chung là 197.000.000 đồng, số tiền Th lợi bất chính là 47.696.250 đồng (số lãi bất hợp pháp 38.396.250 đồng; tiền phí là 9.300.000 đồng); số tiền Bùi Đình T cho 05 người vay riêng là 100.000.000 đồng, số tiền Th lợi bất chính là 21.909.081 đồng. Như vậy, tổng số tiền Bùi Đình T góp chung cùng Lê Tư Đ và tiền Bùi Đình T cho vay riêng là 297.000.000 đồng; số tiền Th lợi bất chính là 69.605.331 đồng, nên Bùi Đình T có khung hình phạt và mức án nhẹ hơn Lê Tư Đ là phù hợp.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Bùi Đình T phạm tội lần đầu và Thộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là phù hợp. Bị cáo Lê Tư Đ có ông nội được thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

[7] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Lê Tư Đ phạm tội khi đang có tiền án Thộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[8] *Về biện pháp tư pháp*:

[8.1] *Đối với khoản tiền Đ và T góp chung để cho vay*:

[8.1.1] Truy Th để sung Ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã Th lại của người vay là 159.699.306đ (*một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn ba trăm lẻ sáu đồng*). Trong đó, buộc bị cáo Đ nộp lại số tiền 79.849.653đ (*bảy mươi chín triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi ba đồng*); bị cáo T nộp lại 79.849.653đ (*bảy mươi chín triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi ba đồng*)

+ Truy Th sung Ngân sách Nhà nước số tiền lãi hợp pháp là 1.304.444đ (*một triệu ba trăm lẻ bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng*). Trong đó, buộc bị cáo Đ nộp lại 652.222 đồng (*sáu trăm năm mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai đồng*); bị cáo T nộp lại 652.222 (*sáu trăm năm mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai đồng*).

[8.1.2] Buộc bị cáo Đ và bị cáo T trả lại số tiền Th lợi bất chính cho người vay gồm:

+ Bà Nguyễn Thị Th tổng số tiền 1.890.000đ (*một triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng*). Mỗi bị cáo phải trả lại số tiền 945.000đ (*chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*);

+ Bà Nguyễn Thị Th tổng số tiền 2.726.389 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 1.726.389 đồng và tiền phí bất hợp pháp 1.000.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại số tiền 1.363.194đ (*một triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn một trăm chín mươi bốn đồng*);

+ Bà Trần Thị Th tổng số tiền 6.566.666 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 4.966.666 đồng và tiền phí bất hợp pháp 1.600.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại số tiền 3.283.333đ (*ba triệu hai trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*);

+ Bà Cao Thị Tường Q tổng số tiền 16.644.445 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 12.144.445 đồng và tiền phí bất hợp pháp 4.500.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại số tiền 8.322.222 (*tám triệu ba trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai đồng*);

+ Bà Ngô Thị Bảo tổng số tiền 2.677.083 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 1.177.083 đồng và tiền phí bất hợp pháp 1.500.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại số tiền 1.338.541 (*một triệu ba trăm ba mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi một đồng*);

+ Ông Lương Quang Kh tổng số tiền 3.425.000 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 3.425.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại số tiền 1.712.500đ (*một triệu bảy trăm mười hai ngàn năm trăm đồng*);

+ Bà Nguyễn Thị Phương Th tổng số tiền 13.766.669 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 13.766.669 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại số tiền 6.883.334đ (*sáu triệu tám trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng*).

[8.1.3] Truy Th số tiền gốc mà người vay tiền chưa trả cho các bị cáo để nộp Ngân sách Nhà nước gồm:

+ Buộc Nguyễn Thị Th nộp lại số tiền 2.644.444đ (hai triệu sáu trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng);

+ Buộc Nguyễn Thị Th nộp lại số tiền 5.187.500đ (năm triệu một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng);

+ Buộc Cao Thị Tường Q nộp lại số tiền 10.375.000đ (mười triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng);

+ Buộc Ngô Thị Bảo nộp lại số tiền 11.718.750đ (mười một triệu bảy trăm mười tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng);

+ Buộc Lương Quang Kh nộp lại số tiền 7.375.000 đ (bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn);

[8.2] Đối với khoản tiền Đ cho vay:

[8.2.1] Truy Th số tiền gốc bị cáo Đ đã Th lại của người vay, buộc Lê Tư Đ nộp lại số tiền 593.461.538đ (năm trăm chín mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn năm trăm ba mươi tám đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

[8.2.2] Truy Th số tiền lãi hợp pháp bị cáo Đ đã nhận, buộc Lê Tư Đ nộp lại số tiền 10.322.222đ (mười triệu ba trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai đồng).

[8.2.3] Buộc bị cáo Đ trả lại số tiền Th lợi bất chính cho người vay gồm:

+ Bà Trần Thị Minh V số tiền lãi bất hợp pháp là 151.247.009 đồng và tiền phí bất hợp pháp 15.650.000 đồng. Tổng số tiền là 163.547.009đ (một trăm sáu mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn không trăm lẻ chín đồng);

+ Ông Nguyễn Vũ H số tiền lãi bất hợp pháp là 13.419.231 đồng và tiền phí bất hợp pháp 3.350.000 đồng. Tổng số tiền 16.769.231đ (mười sáu triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm ba mươi một đồng).

+ Bà Hồ Y H số tiền lãi bất hợp pháp là 23.110.000đ (hai mươi ba triệu một trăm mười ngàn đồng)

[8.2.4] Truy Th số tiền gốc mà những người vay chưa trả lại cho bị cáo Đ để sung Ngân sách Nhà nước gồm:

+ Bà Trần Thị Minh V nộp lại số tiền 200.769.231đ (hai trăm triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm ba mươi một đồng);

+ Ông Nguyễn Vũ H nộp lại số tiền 5.187.500đ (năm triệu một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng);

+ Bà Hồ Y H số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

[8.3] Đối với khoản tiền T cho vay:

[8.3.1] Truy Th sung Ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã Th lại của người vay, buộc bị cáo T nộp lại số tiền 72.879.808đ (bảy mươi hai triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm lẻ tám đồng).

[8.3.2] Truy Th số tiền lãi hợp pháp, buộc bị cáo T nộp lại số tiền 711.111đ (bảy trăm mười một ngàn một trăm mười một đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

[8.3.3] Buộc bị cáo T trả lại số tiền Th lợi bất chính cho người vay gồm:

+ Bà Hoàng Thị Kim Th số tiền lãi bất hợp pháp là 1.334.028 đồng và tiền phí bất hợp pháp 500.000 đồng. Tổng số tiền là 1.834.028 đ (một triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn không trăm hai mươi tám đồng);

+ Bà Đặng Thị Ngọc V số tiền lãi bất hợp pháp là 2.589.583 đồng và tiền phí bất hợp pháp 2.500.000 đồng. Tổng số tiền 5.089.583đ (năm triệu không trăm tám mươi chín ngàn năm trăm tám mươi ba đồng);

+ Ông Nguyễn Văn V số tiền lãi bất hợp pháp là 627.778 đồng và tiền phí bất hợp pháp 1.000.000 đồng. Tổng số tiền là 1.627.778đ (một triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng);

+ Bà Phạm Thị Tr tổng số tiền lãi bất hợp pháp là 5.652.137đ (năm triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn một trăm ba mươi bảy đồng);

+ Bà Nguyễn Thị Phương Th tổng số tiền lãi bất hợp pháp là 5.850.000đ (năm triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

[8.3.4] Truy Th số tiền gốc mà những người vay chưa trả lại cho bị cáo T gồm:

+ Buộc Hoàng Thị Kim Th nộp lại số tiền 1.281.250đ (một triệu hai trăm tám mươi một ngàn hai trăm năm mươi ngàn đồng);

+ Buộc Đặng Thị Ngọc V nộp lại số tiền 7.781.250đ (bảy triệu bảy trăm tám mươi một ngàn hai trăm năm mươi ngàn đồng)

+ Buộc Nguyễn Văn V nộp lại số tiền 8.250.000đ (tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng);

+ Buộc Phạm Thị Tr nộp lại số tiền 9.807.692đ (chín triệu tám trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm chín mươi hai đồng);

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã Th giữ: 01 (một) điện Thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xanh lá cây có số Imei 350879907423332 sử dụng số điện Thoại “0813151111”, do Bùi Đình T sử dụng; 01(một) điện Thoại di động hiệu Nokia màu đen có số serial 357328080009248 sử dụng số điện Thoại “0705497325”, do Bùi Đình T sử dụng; 01(một) điện Thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh dương có số Imei 351330883712495 sử dụng số điện Thoại “0832332222”, do Lê Tư Đ sử dụng và 01 (một) điện Thoại di động hiệu Nokia màu xanh có số Imei 352607740368556; 352607740868555 sử dụng số điện Thoại “0865550007”, do Lê Tư Đ sử dụng, xét thấy là phương tiện các bị cáo dùng để trao đổi chuyển khoản trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên tịch Th bán sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 06 (sáu) tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng và 20 (hai mươi) tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng, Th giữ của Lê Tư Đ, xét thấy số tiền này do Trần Thị Minh V trả cho bị cáo Đ, nên khấu trừ vào số tiền bà V còn nợ lại của bị cáo Đ là phù hợp.

[10] *Về án phí*: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Tư Đ và Bùi Đình T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1.1. Áp dụng khoản 2 và 3 Điều 201; điểm s khoản 1 và 2 Điều 51; các Điều 38 và 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Tư Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2022.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Tư Đ số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*), được trừ vào số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*), theo biên lai Th số 0000043 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐL. Bị cáo còn phải nộp số tiền phạt bổ sung 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

1.2. Áp dụng khoản 1 và 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đình T 120.000.000đ (*một trăm hai mươi triệu đồng*).

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 và 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự;

2.1. *Đối với khoản tiền Đ và T góp chung để cho vay:*

2.1.1. Truy Th số tiền gốc đã Th lại của người vay là 159.699.306đ (*một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn ba trăm lẻ sáu đồng*). Trong đó, buộc bị cáo Đ nộp lại số tiền 79.849.653đ (*bảy mươi chín triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi ba đồng*); bị cáo T nộp lại 79.849.653đ (*bảy mươi chín triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi ba đồng*) để sung Ngân sách Nhà nước

+ Truy Th sung Ngân sách Nhà nước số tiền lãi hợp pháp là 1.304.444đ (*một triệu ba trăm lẻ bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng*). Trong đó, buộc bị cáo Đ nộp lại 652.222 đồng (*sáu trăm năm mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai đồng*); bị cáo T nộp lại 652.222 (*sáu trăm năm mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai đồng*).

2.1.2. Buộc bị cáo Đ và bị cáo T trả lại số tiền Th lợi bất chính cho người vay gồm:

+ Bà Nguyễn Thị Th tổng số tiền 1.890.000đ (*một triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng*). Mỗi bị cáo phải trả lại số tiền 945.000đ (*chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*);

+ Bà Nguyễn Thị Thtổng số tiền 2.726.389 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 1.726.389 đồng và tiền phí bất hợp pháp 1.000.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại số tiền 1.363.194đ (*một triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn một trăm chín mươi bốn đồng*);

+ Bà Trần Thị Th tổng số tiền 6.566.666 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 4.966.666 đồng và tiền phí bất hợp pháp 1.600.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại số tiền 3.283.333đ (*ba triệu hai trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*);

+ Bà Cao Thị Tường Q tổng số tiền 16.644.445 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 12.144.445 đồng và tiền phí bất hợp pháp 4.500.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại số tiền 8.322.222 (*tám triệu ba trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai đồng*);

+ Bà Ngô Thị Bảo tổng số tiền 2.677.083 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 1.177.083 đồng và tiền phí bất hợp pháp 1.500.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại số tiền 1.338.541 (*một triệu ba trăm ba mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi một đồng*);

+ Ông Lương Quang Kh tổng số tiền 3.425.000 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 3.425.000 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại số tiền 1.712.500đ (*một triệu bảy trăm mười hai ngàn năm trăm đồng*);

+ Bà Nguyễn Thị Phương Th tổng số tiền 13.766.669 đồng (tiền lãi bất hợp pháp là 13.766.669 đồng). Mỗi bị cáo phải trả lại số tiền 6.883.334đ (*sáu triệu tám trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng*).

2.1.3. Truy Th số tiền gốc mà người vay tiền chưa trả cho các bị cáo để nộp Ngân sách Nhà nước gồm:

+ Buộc Nguyễn Thị Th nộp lại số tiền 2.644.444đ (*hai triệu sáu trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng*);

+ Buộc Nguyễn Thị Th nộp lại số tiền 5.187.500đ (*năm triệu một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*);

+ Buộc Cao Thị Tường Q nộp lại số tiền 10.375.000đ (*mười triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*);

+ Buộc Ngô Thị Bảo nộp lại số tiền 11.718.750đ (*mười một triệu bảy trăm mười tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng*);

+ Buộc Lương Quang Kh nộp lại số tiền 7.375.000 đ (*bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn*);

2.2. Đối với khoản tiền Đ cho vay:

2.2.1. Truy Th số tiền gốc bị cáo Đ đã Th lại của người vay, buộc Lê Tư Đ nộp lại số tiền 593.461.538đ (*năm trăm chín mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn năm trăm ba mươi tám đồng*) để sung Ngân sách Nhà nước.

2.2.2. Truy Th số tiền lãi hợp pháp bị cáo Đ đã nhận, buộc Lê Tư Đ nộp lại số tiền 10.322.222đ (*mười triệu ba trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai đồng*).

2.2.3. Buộc bị cáo Đ trả lại số tiền Th lợi bất chính cho người vay gồm:

+ Bà Trần Thị Minh V số tiền lãi bất hợp pháp là 151.247.009 đồng và tiền phí bất hợp pháp 15.650.000 đồng. Tổng số tiền là 163.547.009đ (*một trăm sáu mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn không trăm lẻ chín đồng*),

+ Ông Nguyễn Vũ H số tiền lãi bất hợp pháp là 13.419.231 đồng và tiền phí bất hợp pháp 3.350.000 đồng. Tổng số tiền 16.769.231đ (*mười sáu triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm ba mươi một đồng*).

+ Bà Hồ Y H số tiền lãi bất hợp pháp là 23.110.000đ (hai mươi ba triệu một trăm mười ngàn đồng)

2.2.4. Truy Th số tiền gốc mà những người vay chưa trả lại cho bị cáo Đ để sung Ngân sách Nhà nước gồm:

+ Buộc bà Trần Thị Minh V nộp lại số tiền 200.769.231đ (hai trăm triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm ba mươi một đồng) để sung Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) (theo Giấy nộp tiền ngày 04/01/2024 của Ngân hàng Agribank).

+ Buộc ông Nguyễn Vũ H nộp lại số tiền 5.187.500đ (năm triệu một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) để sung Ngân sách Nhà nước;

+ Buộc bà Hồ Y H nộp lại số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

2.3. Đối với khoản tiền bị cáo Bùi Đình T cho vay:

2.3.1. Truy Th sung Ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã Th lại của người vay, buộc bị cáo T nộp lại số tiền 72.879.808đ (bảy mươi hai triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm lẻ tám đồng).

2.3.2. Truy Th sung công quỹ số tiền lãi hợp pháp, buộc bị cáo T nộp lại số tiền 711.111đ (bảy trăm mười một ngàn một trăm mười một đồng).

2.3.3. Buộc bị cáo T trả lại số tiền Th lợi bất chính cho người vay gồm:

+ Bà Hoàng Thị Kim Th số tiền lãi bất hợp pháp là 1.334.028 đồng và tiền phí bất hợp pháp 500.000 đồng. Tổng số tiền là 1.834.028 đ (một triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn không trăm hai mươi tám đồng);

+ Bà Đặng Thị Ngọc V số tiền lãi bất hợp pháp là 2.589.583 đồng và tiền phí bất hợp pháp 2.500.000 đồng. Tổng số tiền 5.089.583đ (năm triệu không trăm tám mươi chín ngàn năm trăm tám mươi ba đồng);

+ Ông Nguyễn Văn V số tiền lãi bất hợp pháp là 627.778 đồng và tiền phí bất hợp pháp 1.000.000 đồng. Tổng số tiền là 1.627.778đ (một triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng);

+ Bà Phạm Thị Tr tổng số tiền lãi bất hợp pháp là 5.652.137đ (năm triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn một trăm ba mươi bảy đồng);

+ Bà Nguyễn Thị Phương Th tổng số tiền lãi bất hợp pháp là 5.850.000đ (năm triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

2.3.4. Truy Th số tiền gốc mà những người vay chưa trả lại cho bị cáo T để sung Ngân sách Nhà nước gồm:

+ Buộc Hoàng Thị Kim Th nộp lại số tiền 1.281.250đ (một triệu hai trăm tám mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng) để sung Ngân sách Nhà nước;

+ Buộc Đặng Thị Ngọc V nộp lại số tiền 7.781.250đ (bảy triệu bảy trăm tám mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng) để sung Ngân sách Nhà nước;

+ Buộc Nguyễn Văn V nộp lại số tiền 8.250.000đ (tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước;

+ Buộc Phạm Thị Tr nộp lại số tiền 9.807.692đ (*chín triệu tám trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm chín mươi hai đồng*) để sung Ngân sách Nhà nước;

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

3.1. Tịch thu bán sung Ngân sách Nhà nước:

+ 01 (*một*) điện Thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xanh lá cây có số Imei 350879907423332 sử dụng số điện Thoại “0813151111” và 01(*một*) điện Thoại di động hiệu Nokia màu đen có số serial 357328080009248 sử dụng số điện Thoại “0705497325” của Bùi Đình T sử dụng; 01(*một*) điện Thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh dương có số Imei 351330883712495 sử dụng số điện Thoại “0832332222” và 01 (*một*) điện Thoại di động hiệu Nokia màu xanh có số Imei 352607740368556; 352607740868555 sử dụng số điện Thoại “0865550007” của Lê Tư Đ.

(*Theo biên bản giao, nhận tang vật ngày 04/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố ĐL và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐL*).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc Lê Tư Đ và Bùi Đình T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LD (02);
- Sở Tư pháp tỉnh LD;
- VKSND tp. ĐL;
- Công an tp. ĐL;
- Chi cục THADS tp. ĐL;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Huyền

